

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản**  
**sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Văn bản số 7642/BKHĐT-TH ngày 23/10/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước năm 2015;

Xét Tờ trình số 4271/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2014 và Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2015, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng vốn ngân sách do địa phương quản lý trong kế hoạch 2015 là 403.400 triệu đồng, bao gồm:

a) Vốn đầu tư trong cân đối: 370.400 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn cân đối theo tiêu chí: 182.900 triệu đồng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công ích: 1.000 triệu đồng.

- *Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất* 186.500 triệu đồng.

b) *Vốn xổ số kiến thiết:* 33.000 triệu đồng.

2. Về phạm vi sử dụng nguồn vốn:

a) Đối với nguồn vốn do cấp tỉnh quản lý:

Đầu tư cho các ngành lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015. Dành một phần nguồn vốn để bố trí hỗ trợ thực hiện các Đề án, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ xây dựng y tế cơ sở; các thiết chế văn hóa làng, bản; đề án kiên cố hóa trường lớp học; hỗ trợ xây dựng trường mầm non đạt chuẩn. Lòng ghép các nguồn vốn để thực hiện đề án giảm nghèo bền vững đối với các xã, thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ hộ nghèo cao.

b) Đối với vốn phân cấp cho các huyện, thành phố, thị xã quản lý:

- Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện việc phân bổ nguồn vốn cân đối theo tiêu chí cho các huyện, thành phố, thị xã theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Bố trí trả nợ theo lộ trình các khoản vay, tạm ứng của các công trình, dự án và đối ứng các dự án ODA do cấp huyện làm chủ đầu tư theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Danh mục các chương trình, dự án đầu tư; vốn đầu tư phân bổ cho từng công trình, dự án và cân đối ngân sách cho các huyện, thành phố, thị xã theo các biểu đính kèm Nghị quyết (kèm theo 04 phụ lục. Phụ lục III gồm 14 trang).

3. Các giải pháp thực hiện:

a) Đối với nguồn vốn Trung ương hỗ trợ sau khi có quyết định giao kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quyết định triển khai thực hiện và báo cáo với Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thứ 15.

b) Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và Trái phiếu Chính phủ; khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Thực hiện nghiêm quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014: Các sở, ngành và địa phương để phát sinh các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản từ ngày 01 tháng 01

năm 2015 (sau thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành) bị xử lý vi phạm theo các quy định tại Luật Đầu tư công.

c) Khi thanh toán vốn xây dựng cơ bản phải kiên quyết thu hồi vốn ứng trước, nợ tạm ứng vốn xây dựng cơ bản của các chủ đầu tư, đẩy nhanh tiến độ quyết toán công trình hoàn thành. Đối với các công trình, dự án đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng nhưng các chủ đầu tư không quyết toán theo đúng quy định hoặc không thanh toán hoàn vốn tạm ứng ngân sách tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2014 thì không bố trí vốn cho các công trình, dự án khởi công mới và không tiếp tục bố trí vốn đối với các công trình chậm thanh toán hoàn trả vốn tạm ứng ngân sách Nhà nước trong kế hoạch năm 2015.

d) Tiếp tục tiến hành tái cấu trúc các dự án; sắp xếp, rà soát lại quy mô, các hạng mục, tiến độ thực hiện, nguồn vốn bố trí và hiệu quả đầu tư để đảm bảo cân đối được nguồn vốn thực hiện trong thời gian quy định theo đúng Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả, bảo đảm đúng tiến độ giải phóng mặt bằng của các công trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và Trái phiếu Chính phủ.

đ) Thực hiện điều chuyển vốn đối với các dự án đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2015 giải ngân dưới 60% vốn kế hoạch; các dự án đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2015 giải ngân dưới 85% vốn kế hoạch. Thực hiện rà phá bom mìn theo tiến độ triển khai của dự án để chống lãng phí.

e) Tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các trung tâm phát triển Quỹ đất tổ chức triển khai thực hiện tốt việc khai thác quỹ đất, tăng nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất như quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 22/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

f) Triển khai và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

## **Điều 2.**

Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý năm 2015. Chủ động vận động thu hút nguồn lực để tăng nguồn vốn xây dựng cơ bản, tiếp tục bổ sung cân đối cho các nhu cầu đầu tư phát triển. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015; xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp cuối năm 2015 quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH&HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, TP Đông Hà, TX Q.Trị, huyện Đảo Côn Cỏ
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CV Phòng CTHĐND;
- Báo Q.Trị và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT HĐND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Hữu Phúc**

82 b





**Phụ lục I**

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH 2015**

Kèm theo Nghị quyết số 20 /2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh

*DVT: Triệu đồng*

TT	Các nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2014	Kế hoạch năm 2015		So sánh KH 2015/ KH 2014 (tính giao) (%)	Ghi chú
			TW giao	Tỉnh giao		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>367.900</b>	<b>303.900</b>	<b>403.400</b>	<b>109.65</b>	
<b>A</b>	<b>ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI</b>	<b>337.900</b>	<b>303.900</b>	<b>370.400</b>	<b>109.62</b>	
<b>I</b>	<b>Đầu tư trong cân đối theo tiêu chí</b>	<b>182.900</b>	<b>182.900</b>	<b>182.900</b>	<b>100.00</b>	
1	Chi trả vốn vay kiên cố hóa KM và GTNT	31.000		28.000	90.32	Bổ trả 29.500 triệu đồng, trong đó: - NS tỉnh trả: 28.000 triệu đồng - NS huyện trả: 1.500 triệu đồng
2	Chi hoàn trả các khoản tạm ứng ngân sách	3.000		4.500	150.00	Hoàn trả 30% tổng số tạm ứng (16.000 triệu đồng), trong đó: - NS tỉnh trả: 4.500 triệu đồng, - TT PTQĐ trả: 7.500 triệu đồng - NSTW trả: 4.000 triệu đồng Chi tiết như biểu số 2
3	Chi hoàn trả vốn bị TW thu hồi	765		0		
4	Đầu tư trong năm 2015	144.962		150.400	103.75	Cấp tỉnh 60% : cấp huyện 40%
	<i>Trong đó:</i>					
4.1	Tỉnh quản lý	86.977		90.240	103.75	Chi tiết như biểu số 3
4.2	Phân cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý	57.985		60.160	103.75	Chi tiết như biểu số 4
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ doanh nghiệp công ích</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>100.00</b>	
<b>III</b>	<b>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>154.000</b>	<b>120.000</b>	<b>186.500</b>	<b>135.09</b>	
1	Tỉnh quản lý	90.700		110.000	121.28	
1.1	Thu tại Thành phố Đông Hà			100.000		
	- Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính			10.000		10% tổng thu
	- Đầu tư trong năm 2015			90.000		Chi tiết tại biểu số 3
1.2	Thu từ đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo			10.000		Chi tiết tại biểu số 3
	- Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính			1.000		10% tổng thu
	- Đầu tư trong năm 2015			9.000		Chi tiết tại biểu số 3
2	Phân cấp huyện quản lý	63.300		76.500	120.85	Chi tiết tại biểu số 4
<b>B</b>	<b>XỔ SỔ KIẾN THIẾT</b>	<b>30.000</b>		<b>33.000</b>	<b>110.00</b>	Chi tiết như biểu số 3



## Phụ lục II

### TỔNG HỢP CÁC KHOẢN TẠM ỨNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH ĐẾN 31/12/2014 VÀ CÁC NGUỒN VỐN BỔ TRÍ TRẢ NỢ

Kèm theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Số tạm ứng	Bổ trí trả nợ trong năm 2015	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>47.146.442</b>	<b>16.000</b>	
<b>I</b>	<b>Ngân sách tập trung</b>	<b>35.646.442</b>	<b>4.500</b>	
1	Đối ứng cho Tiểu DA: Nâng cấp hệ thống Nam Thạch Hãn thuộc Dự án Thủy lợi Miền Trung (ADB4)	10.000		Quyết định 1171/QĐ-UBND ngày 22/6/2011 của UBND tỉnh
2	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thủy lợi Sa Lung	10.420		Quyết định 1878/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 và số 1951/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của UBND tỉnh (tổng số tạm ứng 16.420 triệu đồng, KH2012&KH 2013 đã trả 6.000 triệu đồng)
3	Các dự án ODA trên địa bàn tỉnh	1.000		Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 27/9/2012
4	Cầu Cửa Việt	8.000		Công văn số 1545/UBND-CN ngày 24/6/2008 của UBND tỉnh
5	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	6.000		Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của UBND tỉnh
6	Phát triển bền vững du lịch tiểu vùng sông Mê công	226.442		Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của UBND tỉnh
<b>II</b>	<b>Đấu giá quyền sử dụng đất</b>	<b>7.500</b>	<b>7.500</b>	
1	Nhà thi đấu đa năng	7.500	7.500	Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 03/4/2014 của UBND tỉnh
<b>III</b>	<b>Ngân sách Trung ương</b>	<b>4000</b>	<b>4000</b>	
2	Cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu	4.000	4.000	Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 của UBND tỉnh

Phụ lục III

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI NĂM 2015**

Nguồn vốn đầu tư trong cân đối do tỉnh quản lý

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cân đối năm 2015	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
1	2	4	7	8	9	10	11			14
	<b>TỔNG SỐ</b>					2.219.867	1.632.813	828.849	222.240	
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH TẬP TRUNG</b>					841.274	444.858	294.035	90.240	
1	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư							3.000	2.000	Nhu cầu bố trí CBĐT cho các dự án dự kiến KH trung hạn 2016-2020
2	Bố trí vốn quyết toán							4.000	3.500	
3	Nông lâm nghiệp thủy sản					63.683	28.634	7.425	6.957	
	<i>Dự án hoàn thành</i>									
-	DA làng Thanh niên lập nghiệp Hướng Hiệp	Đakrông	150 hộ	10-12.	380a/TWĐ 30/10/2008	34.027	8.905	5.590	1.134	CT đi dân dân 1.950 triệu đồng
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>									
-	Tuyến kênh tiêu úng Nhan Biều, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	kênh dài 6312,58m	14-15	2054/QĐ-UBND 31/10/2013	6.383	5.745	1.800	1.631	
-	Đối ứng các dự án Giồng cây trồng vật nuôi và giồng thủy sản				Văn bản số 5841/BKHĐT-KTNN ngày 04/9/2014 của Bộ KHĐT.					VB số 5841/BKHĐT-KTNN ngày 04/9/2014 của Bộ KHĐT, chi hỗ trợ phần xây lắp và thiết bị (NSDP phân chi phí QLDA, TV, chi khác và DP)
	<i>Dự án khởi công mới</i>									
-	Cải tạo Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ Cửa Tùng và Trại nuôi thực nghiệm giống thủy sản Hiền Lương thuộc Trung tâm giống thủy sản Quảng Trị	Vĩnh Linh			Số 2330/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	9.981	692		692	
	<i>Dự án khởi công mới</i>									
-	Trụ sở Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hường Hóa	Hường Hóa	465m <sup>2</sup>	2013-2014	2052/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	3.831	3.831	15	1.400	Kết luận số 48/HĐND-CTHD ngày 02/4/2014 của Thường trực HĐND tỉnh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cân đối năm 2015	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số				Trong đó: NS tỉnh
-	Dự án nuôi trồng thủy sản hồ nước trung tâm huyện Gio Linh	Gio Linh		2015-2016	2033/QĐ-UBND 21/7/2014	4.900	4.900	1.000	Thông báo số 666-TB-TT ngày 06/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đồng về chủ trương)	
-	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh	Đông Hà		2015-2017	1887/QĐ-UBND ngày 16/10/2013	4.561	4.561	20	TB số 162/TB-UBND ngày 17/10/2014 của UBND tỉnh (ưu tiên bố trí vốn để khởi công xây dựng, hoàn thành trong năm 2015)	
4	<b>Hạ tầng công nghiệp</b> <i>Dự án khởi công mới</i>					<b>33.962</b>	<b>20.000</b>	<b>4.050</b>		
-	CSHT cụm Công nghiệp Đông Á Từ	Triệu Phong	1,184km	13-15	1193/QĐ-UBND 05/7/2013	18.969	10.000	2.500	+ NSTW	
-	Kết cấu hạ tầng cụm Công nghiệp Cam Hiếu	Cam Lộ	70ha	14-16	1861/QĐ-UBND 16/10/2013	14.993	10.000	1.550	+ NSTW	
5	<b>Thương mại - Du lịch</b> <i>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</i>					<b>91.297</b>	<b>22.622</b>	<b>14.440</b>		
-	Chợ khu vực Cửa	Cam Lộ	106 lô	13-15	1541/QĐ-UBND 30/8/2012	6.209	3.000	1.090	500	
-	Chợ thị trấn Cửa Việt	Gio Linh	255 lô quây	11-14	1077/QĐ-UBND 18/6/2010 1914/QĐ-UBND 21-10-2013	12.384	1.000	7.000	1.000	
-	Chợ Nam Đông, huyện Gio Linh	Gio Linh	159 lô quây	11-14	1898/QĐ-UBND 19-9-2011	10.960	1.000	3.000	500	
	<b><i>Dự án chuyên tiếp</i></b>									
-	Hỗ trợ GPMB Tuyến đường phía Bắc khu Dịch vụ - Du lịch tổng hợp Gio Hải thuộc Khu DV-DL dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt (giai đoạn 2)	Gio Linh	4.703m	12-15	1746/QĐ-UBND 31/8/2009	37.122	7.122	1.000	Đổi ứng theo QĐ 60/QĐ-TTg;	
-	Chợ Mỹ Chánh	Hải Lăng	1.250 m2	14-16	2194/QĐ-UBND 25/10/2011 884/QĐ-UBND 09/5/2014	8.531	3.000	1.550	Vốn đã bố trí từ NS huyện	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cân đối năm 2015	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
-	Chợ Kén, huyện Gio Linh	Gio Linh	1.470 m2	14-16	2023/QĐ-UBND 31/10/2013	7.393	3.000	1.300	500	Vốn đã bố trí từ NS huyện CV 1932/UBND-TM ngày 16-6-2014
-	Chợ Hải Hoà, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	51 lô quầy	14-15	863/QĐ-UBND 22/7/2014	3.642	1.500	500	500	Hỗ trợ trong năm 2016
	<b>Dự án khởi công mới</b>									
-	Chợ Hà Tây, xã Triệu An	Triệu Phong	42 lô quầy	15-17	2405/QĐ-UBND 30/10/2014	5.056	3.000		500	
6	<b>Công cộng</b>					<b>11.569</b>	<b>4.900</b>	<b>1.309</b>	<b>1.100</b>	
	<b>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</b>									
-	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng đường Quang Trung TX Quảng Trị	TX Quảng Trị	1,1km	12-13	876/QĐ-UBND 21/12/2011	2.083	900	450	450	Trả nợ KLHT
-	<b>Dự án chuyển tiếp</b>									
-	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	4,6km	14-16	1128/QĐ-UBND ngày 25/6/2013	9.486	4.000	859	650	
7	<b>Giao thông</b>					<b>165.267</b>	<b>64.075</b>	<b>94.940</b>	<b>15.290</b>	
	<b>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</b>									
-	Đường liên xã Triệu Tài - Triệu Trung, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	1.670m	14-15	1990/QĐ-UBND 29/10/2013	5.037	4.500	2.435	1.500	Trả nợ KLHT
-	Đường Phú Lệ, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	5,946 km	11-14	1225/QĐ-UBND 27/6/2008; 2173/QĐ-UBND 08/11/2012	59.289	5.929	53.100	2.000	Trả nợ KLHT
-	Đường vào xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.108 m	11-13	1373/QĐ-UBND 30/7/10 377/QĐ-UBND 04-3-2014	25.537	9.997	18.540	4.500	Trả nợ KLHT
-	Đường vào xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	4.015m	12-14	1305/QĐ-UBND 06-7-2011	14.955	4.955	14.365	590	Trả nợ KLHT
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>									
-	Cầu Khe Lòn, xã Linh Hải	Gio Linh	25m	14-15	2006/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	5.660	3.030	1.500	700	
-	Dây chuyền kiểm định xe cơ giới số 2	Đông Hà	1.012 m2	13-15	2040/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	25.427	13.664	3.000	2.000	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cân đối năm 2015	Ghi chú	
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số				Trong đó: NS tỉnh
-	Xây dựng Block vỉa hè, rãnh thoát nước đường Trần Phú và đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.754m	14-16	2000/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	17.800	12.000	2.000	1.500	
	<i>Dự án khởi công mới</i>									
-	Đường vào xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	1.312 m	14-16	1150/QĐ-UBND 13-6-2014	5.733	5.000	0	1.000	
-	Đường vào Khu di tích đình làng Hà Thượng (giai đoạn 2)	Gio Linh	241,54m	2015-2016	2120/QĐ-UBND 03/10/2014	5.829	5.000		1.500	
8	<b>Văn hóa thể thao, Thông tin truyền thông</b>					<b>27.166</b>	<b>22.281</b>	<b>4.786</b>	<b>6.375</b>	
	<i>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</i>									
-	Nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh	Đông Hà			1979/QĐ-UBND ngày 01/10/09	4.281	4.281	3.756	525	
-	Thư viện thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị							450	Thanh toán KLHT
-	Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc Vân kiều và Pa Kô, huyện Đakrông	Đakrông	1300 m2	12-15	1956/QĐ-UBND 23/9/2011	20.737	16.000		1.000	Đổi ứng theo Quyết định 60/QĐ-TTg
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>									
-	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa làng xã theo Nghị quyết 04 và Nghị quyết 05 của HĐND tỉnh cho các huyện, thành phố, thị xã	Toàn tỉnh			NQ 05/2009/NQ-HĐND 24/4/2009; NQ 04/2012/NQ-HĐND 13/4/2012				2.700	Hỗ trợ xây dựng NTM. Chi tiết như biểu số 5
-	Nhà văn hóa Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Độ			326/QĐ-UBND 26/3/2013 của UBND huyện Triệu phong	2.148	2.000	1.030	500	
	<i>Dự án khởi công mới</i>									
-	Đầu tư phần mềm ứng dụng một cửa điện tử và cơ sở dữ liệu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị				1021/KH-UBND 06/5/2011				1.200	
9	<b>Khoa học công nghệ</b>					<b>20.780</b>	<b>20.780</b>	<b>5.500</b>	<b>5.250</b>	
	<i>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</i>									
-	Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Trị	Đông Hà			162/QĐ-SKH-CT ngày 10/8/2011	780	780	500	250	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>									
-	Trung tâm phát triển công nghệ sinh học	Đông Hà	1869m2		2116/QĐ-UBND 01/11/10	20.000	20.000	5.000	5.000	
10	<b>Giáo dục - Đào tạo</b>					<b>89.621</b>	<b>59.540</b>	<b>45.186</b>	<b>10.924</b>	
	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2014</i>									





TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cần đối năm 2015	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: NS tỉnh			
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				
-	Bệnh viện đa khoa huyện Đakrông	Đakrông			1844a/QĐ-UBND 30/9/10 và 1753/QĐ-UBND ngày 30/9/13	20.584	17.257	18.548	644	Thiết bị xử lý rác thải y t	
+	Đường vào khu sản xuất thôn Mới đến thôn Hoang xã Hương Linh	Hương Hoá		14-15	3681/QĐ-UBND 30/10/2013	4.016	4.016	700	500	+ Vốn chương trình 135	
+	Đường giao thông nội thôn Bãi Hà, xã Vĩnh Hà	Vĩnh Linh		14-15	3557/QĐ-UBND 21/10/2013	2.000	2.000	700	500	+ Vốn chương trình 135	
+	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn khe Mè, xã Linh Thượng	Gio Linh	1200m	14-15	4185/QĐ-UBND 13/9/2013	2.500	2.500	600	500	+ Vốn chương trình 135	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
-	Nhà khách đơn tiếp, phục vụ nhân liệt sỹ, đồng đội đi tìm hài cốt liệt sỹ, thăm lại chiến trường	Hương Hoá	724m <sup>2</sup>	14-16	2018/QĐ-UBND 30/10/2013	5.869	5.000	1.869	1.050		
-	Phòng khám, chữa bệnh Trường Trung cấp Y tế Quảng Trị - Giai đoạn 1	Đồng Hà	655m <sup>2</sup>	14-16	551/QĐ-UBND ngày 4/5/2013	4.500	2.000	1.300	500	NS tỉnh đối ứng	
12	<b>Quản lý nhà nước</b>					<b>145.524</b>	<b>96.894</b>	<b>58.280</b>	<b>20.200</b>		
	<i>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</i>										
-	Trụ sở xã Triệu Thành	Triệu Phong	529m <sup>2</sup>	13-14	72a/QĐ-UBND 15/01/2013; 672/QĐ-UBND 09/6/2014	3.400	1.000	500	500	Xử lý nợ đọng XD CB	
-	Trụ sở xã Vĩnh Lâm	Vĩnh Linh	916m <sup>2</sup>	12-15	3177/QĐ-UBND 26/3/2012; 2477/QĐ-UBND 28/9/2012	5.096	2.400	1.800	600	Xử lý nợ đọng XD CB	
-	Trụ sở xã Vĩnh Trường	Gio Linh	382m <sup>2</sup>	12-13	681/QĐ-UBND 26/3/2012	2.702	2.500	600	500	Xử lý nợ đọng XD CB	
-	Trụ sở UBND - UBND thị trấn Cam Lộ	Cam Lộ	1864,5 m <sup>2</sup>	11-13	2686b/QĐ-UBND 20/10/2011	2.485	2.485	1.900	500	Xử lý nợ đọng XD CB	
-	Trụ sở làm việc Báo Quảng Trị và Hội nhà báo Quảng Trị	Đồng Hà	2.087 m <sup>2</sup>	10-11	2357/QĐ-UBND 16/11/09	18.243	13.743	15.040	3.200	Xử lý nợ đọng XD CB	
-	Trụ sở làm việc xã UBND Triệu Thượng huyện Triệu Phong	Triệu Phong			908/QĐ-UBND ngày 18/5/2011; 2555/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 2815/QĐ-UBND 31/12/2013	6.511	1.400		200	Xử lý nợ đọng XD CB	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cân đối năm 2015	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
-	Cải tạo, nâng cấp Kho lưu trữ + Gara xe, Sờ Tư pháp	Đông Hà	71m <sup>2</sup>	2014	46/QĐ-SKH-TH ngày 05/4/2013	515	515	400	100	Xử lý nợ đọng XD CB
-	Sửa chữa nhà lưu trữ hồ sơ, tài liệu của ngành Tài nguyên và Môi trường	Đông Hà		2014	92/QĐ-SKH-TH, 27/6/2012; 167/QĐ-SKH-TH ngày 14/10/2013	1.225	1.225	1.100	100	Xử lý nợ đọng XD CB
-	Trụ sở làm việc HUBND và UBND huyện Gio Linh	Gio Linh	2.964 m <sup>2</sup>	11-13	2408/QĐ-UBND 24/11/09	32.360	24.151	22.955	1.100	Xử lý nợ đọng XD CB
-	Trụ sở Liên đoàn lao động tỉnh	Đông Hà	1435 m <sup>2</sup>	12-13	1003/QĐ-UBND 12/6/2012; 1413/QĐ-UBND ngày 12/8/2013	8.000	3.000	7.000	1.000	
	<b>Dự án hoàn thành</b>				646/QĐ-TLĐ 14/5/2012					
-	Nâng cấp, mở rộng nhà làm việc Ủy ban MTTQ Việt Nam thị xã Quảng Trị	TX QTrị	608 m <sup>2</sup>	13-14	2060a/QĐ-UBND 30/10/2012	5.000	5.000	3.470	1.200	
-	Sửa chữa, chống thấm và sơn tường Chi cục văn thư lưu trữ tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	970m <sup>2</sup>	14-15	2316/QĐ-UBND 28/10/2014	2.013	2.013	1.015	800	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>				2020/QĐ-UBND 31/10/2013					
-	Trụ sở làm việc UBNDTTQ Việt nam và các đoàn thể huyện Triệu Phong	Triệu Phong	3.000m <sup>2</sup>	14-16	1988/QĐ-UBND 29/10/2013	9.720	5.000	1.000	1.000	
-	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc liên cơ quan BQLDA ĐT&XD, Trung tâm phát triển cụm Công nghiệp làng nghề và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Triệu Phong	Triệu Phong	552,49m <sup>2</sup>	14-16	2004/QĐ-UBND 30/10/2013	5.092	3.000	1.000	1.000	
-	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh	Triệu Phong	552,49m <sup>2</sup>	14-16	1932/QĐ-UBND 23/10/2013	3.099	1.599	500	500	
-	Trụ sở xã Triệu Ái	Triệu Phong		14-16	2019/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	11.000	5.000		800	
	<b>Dự án khởi công mới</b>									
-	Cải tạo, sửa chữa nhà ở của Đội cảnh sát bảo vệ mục tiêu	Đông Hà			187/QĐ-SKH-TH 10/9/2014	940	940		500	2420/UBND-CN ngày 22/7/2014 của UBND tỉnh
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Thông tin và Truyền thông	Đông Hà			2398/QĐ-UBND 30/10/2014	2.500	2.500		1.000	3068/UBND-CN ngày 6/9/2014 của UBND tỉnh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cân đối năm 2015	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành						
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh					
-	Trụ sở xã Mộ Ó	Dakrông			2403/QĐ-UBND 30/10/2014	5.900	3.000			1.000	
-	Trụ sở xã Vĩnh Trung	Vĩnh Linh			2399/QĐ-UBND 30/10/2014	5.300	2.000			1.000	
-	Sửa chữa trụ sở làm việc UBNDTTQVN tỉnh	Đông Hà			2402/QĐ-UBND 30/10/2014	3.522	3.522			1.700	
-	Sửa chữa trụ sở Hội Kế hoạch hóa gia đình tỉnh	Đông Hà			232/QĐ-SKH-TH 10/9/2014	700	700			400	3319/UBND-CN ngày 23/9/2014 của UBND tỉnh
-	Trung tâm quan trắc môi trường	Đông Hà			2512/QĐ-UBND 11/12/2013	7.175	7.175			1.500	3068/UBND-CN ngày 6/9/2014 của UBND tỉnh
13	An ninh quốc phòng <i>Dự án hoàn thành</i>					38.582	38.582	25.142		3.000	
-	Công trình CH5-01	Gio Linh	Mặt	08-12	1765/QĐ-UBND 17/9/2008 2634/QĐ-UBND 20/12/2013	32.582	32.582	25.142		3.000	KH 2014 đã bố trí bổ sung 4 tỷ đồng từ tiền vượt thu đầu giá quyền sử dụng đất năm 2014
14	Hỗ trợ các cơ quan Đảng <i>Dự án chuyển tiếp</i>					13.655	10.630	2.000		3.300	
-	Nâng cấp, phát triển hệ thống công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2013-2015	Đông Hà			1107-QĐ/TU ngày 29/10/2013 của Tỉnh ủy Q. Trị	5.557	4.462	500		1.000	
-	Mở rộng nhà làm việc và lưu trữ 03 tầng, Huyện ủy Vĩnh Linh <i>Dự án khởi công mới</i>	Vĩnh Linh	872m2	14-16	1887/QĐ-UBND 18/10/2013	6.458	5.168	1.500		1.300	
-	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Nhà khách Tỉnh uỷ	Đông Hà	872m2	14-16		1.640	1.000	0		1.000	
B	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT					1.205.220	1.070.230	453.071		99.000	
1	Thu tại Thành phố Đông Hà					1.063.692	1.008.843	363.130		90.000	
1.1	Bổ trí lại theo Văn số 198/HĐND-HCTH ngày 7/10/2014 của HĐND tỉnh và 3551/UBND-NN ngày 9/10/2014					209.446	30.000	46.529		8.000	
-	Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía Tây TP. Đông Hà (giai đoạn 1)	Đông Hà	11 km	12-15	1453/QĐ-UBND 05/8/2010	209.446	30.000	46.529		8.000	
1.2	Bổ trí cho các công trình do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư để đầu tư phát triển nguồn quỹ đất					735.216	735.216	132.601		49.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cần đối năm 2015	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT Trong đó: NS tỉnh			
	<i>Dự án hoàn thành</i>									
-	Xây dựng CSHT Khu đô thị phía Nam đường 9D, thành phố Đông Hà	Đông Hà	15,97ha	08-11	1536/QĐ-UBND ngày 18/8/2008 1504/QĐ-UBND ngày 24/8/2012	49.674	46.033	1.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>									
-	Hoàn thiện khu đô thị Nam Đông Hà GD II	Đông Hà	23,0ha	11-15	547/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 902/QĐ-UBND 18/5/2011 825/QĐ-UBND 29/4/2014	14.631	10.550	2.000		
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Đông Hà	78 ha	12-15	1609/QĐ-UBND 05/8/11	334.014	75.818	32.000		
	<i>Dự án khởi công mới</i>									
-	Khu đô thị Nam sông Vĩnh Phước	Đông Hà	67,8ha	15-19	1907/QĐ-UBND 11/9/2014	289.880	200	5.000		
-	Khu đô thị tái định cư Nam Đông Hà giai đoạn 1	Đông Hà	4,23 ha	15-17	2280/QĐ-UBND 27/10/2014	44.880		8.000		
-	Hạ tầng khu dân cư đô thị khu vực Bộ đội Biên phòng tỉnh	Đông Hà	0,85ha	15-16	213/QĐ-SKH-CT 27/10/2014	2.137		1.000		
1.2	<b>Bố trí cho các công trình khác của tỉnh</b>					<b>328.476</b>	<b>230.529</b>	<b>33.000</b>		
	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2014</i>							<b>22.300</b>		
-	Cầu Vĩnh Phước	Đ.Hà, TP	100m	10-13	731/QĐ-UBND 24/4/2008	45.530	38.115	3.000		Trả nợ KLHT
-	Đường Trường Chinh đoạn từ đường Lê Lợi đến đường QH 16m phía Tây bẻ bơi	Đông Hà	0,559km	08-16	1136/QĐ-UBND ngày 28/5/2007	6.563	5.441	1.000		
-	Nhà thi đấu Đa Năng	Đ.Hà	2000 chỗ	10-14	1749/QĐ-UBND 31/8/09	78.208	61.326	9.000		Bao gồm hoàn trả tạm ứng NS 7.500 trđ (biểu số 2)
-	Trụ sở HĐND tỉnh	Đông Hà	6.313 m2	10-14	408/QĐ-UBND 15/03/10; 961/QĐ-UBND 1/6/12	73.210	67.384	5.500		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cân đối năm 2015	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT				
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh					
-	Trụ sở Sở Nội vụ	Đông Hà	2.993 m2	11-13	2080/QĐ-UBND 13/10/09 1841/QĐ-UBND 29/09/10; 1493/QĐ-UBND ngày 23/8/2013	26.819	26.819	24.563	1.800		
-	TRƯỜNG KINH DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN TƯ LIỆNG SỐ HẸNG THỰC THUỘC CÔNG TRÌNH TRỤ SỞ TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ (giai đoạn 1)	Đông Hà	1200m2	13-14	1808/QĐ-UBND, 04/10/2012	14.900	14.900	12.050	2.000		
	<b>Dự án hoàn thành</b>								<b>2.500</b>		
-	Nghĩa trang nhân dân thành phố Đông Hà	Đông Hà	8,95 ha	12-14	919/QĐ-UBND 28/5/2012	18.782	7.000	9.782	2.000		
-	Hệ thống điện chiếu sáng đường Lý Thường Kiệt và đường Nguyễn Du (Đoạn QL1A đến đường Trần Bình Trọng)	Đ.Hà	3.649m	14-15	1342/QĐ-UBND 25/10/2011	8.538	3.000	2.000	500		
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>								<b>4.700</b>		
-	Mở rộng kéo dài tuyến đường Nam cầu Vĩnh Phước	Đ.Hà	500m	12-14	1755/QĐ-UBND 27/9/12	16.207	16.207	4.868	3.500		
-	Hệ thống điện chiếu sáng đường Lê Duẩn TP Đông Hà (đoạn từ cầu Đông Hà đến đường Lý Thường Kiệt)	Đông Hà	2651m	1014-201	1987/QĐ-UBND 29/10/2013	9.420	7.000	4.000	500		
-	Đường nối từ đường Hàm Nghi qua Trường tiểu học Hàm Nghi đến đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà (giai đoạn 2)	Đ.Hà	223m	14-15	2002/QĐ-UBND 30/10/2013	6.291	4.000	1.000	700		
	<b>Dự án khởi công mới</b>								<b>3.500</b>		
-	Đường Lai Phước - Tân Vĩnh, TP Đông Hà	Đông Hà	3,6km	15-17	2309/QĐ-UBND 28/10/2014	24.008	16.805		2.000		
-	Đường Nguyễn Bình Khiêm TP Đông Hà	Đông Hà	345m	15-17	2004/QĐ-UBND 28/9/2011	14.996	14.996		1.500		
2	<b>Thu từ đầu giá quyền sử dụng đất tại Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lào Bảo</b>					<b>141.528</b>	<b>61.387</b>	<b>89.941</b>	<b>9.000</b>		
	<b>Dự án hoàn thành trước 31/12/2014</b>										
-	Khu tái định cư cho đồng bào dân tộc di dời thực hiện dự án CSHT cụm cửa khẩu mở rộng	Hướng Hoá	70 hộ	11-13.	1551/QĐ-UBND 3/8/2011 501/QĐ-UBND 24-3-2014	63.277	13.435	49.400	3.000		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cần đối năm 2015	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
-	Tuyến đường RD 07 thuộc KCN Quán Ngang	Gio Linh	1.960m	11-13	668/QĐ-UBND 14/4/2011; 1304/QĐ-UBND 23/7/2013	35.317	5.018	30.947	1.500	
-	Hệ thống thoát nước đường K2 thuộc Khu công nghiệp Nam Đông Hà <i>Dự án chuyển tiếp</i>	Đông Hà	820m	11-13	1952/QĐ-UBND 24/9/2009	9.010	9.010	6.619	500	Trả nợ KLHT
-	Điện chiếu sáng đường trung tâm tại KCN Quán Ngang	Gio Linh	1,7km	14-16	2248/QĐ-UBND 21/10/2014	5.818	5.818	1.260	1.000	
-	<i>Dự án khởi công mới</i>									
-	Hệ thống thoát nước thải KCN Quán Ngang	Gio Linh	7004m	15-17	755/QĐ-UBND 07/5/2010	19.642	19.642		2.000	
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Khu Tái định cư Ka Tân, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa			2434/QĐ-UBND 17/6/2014	2.865	2.865		1.000	
<b>C</b>	<b>NGUỒN XỐ SỐ KIẾN THIẾT</b>					<b>173.373</b>	<b>117.725</b>	<b>81.743</b>	<b>33.000</b>	
<b>I</b>	<b>Giáo dục - Đào tạo</b>					<b>112.749</b>	<b>86.358</b>	<b>46.598</b>	<b>21.833</b>	
	<i>Khởi thực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo</i>								<b>3.700</b>	
-	Giảng đường đa năng trường THPT Gio Linh	Gio Linh			1277/QĐ-UBND 17/7/13	5.833	5.833	3.400	1.400	
-	Nhà học thực hành Trường THPT Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.190	13-15	1914/QĐ-UBND 07/10/10	13.729	13.729	5.880	900	
-	Trường THPT Hướng Phùng, Hướng Hóa	Hướng Hóa			233/QĐ-SKH-VX 30/10/2014	700			500	
-	Hoàn thiện khuôn viên Trường THPT thị xã Quảng Trị ( Xây dựng công, hàng rào, sân vườn, cải tạo, nâng cấp sân bê tông và bồn hoa)	TX Quảng Trị			756/QĐ-UBND 24/10/2013	2.300		500	900	Văn bản 3803/UBND-VX ngày 8/11/13
-	<b>Hỗ trợ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND tỉnh và trả nợ KCH trường học và nhà công vụ giáo viên Huyện Hướng Hóa</b>					<b>90.187</b>	<b>66.796</b>	<b>36.818</b>	<b>18.133</b>	
+	Trường Mầm non Bình Minh, Khe Sanh	Khe Sanh		15-16	331/QĐ-SKH-VX 29/10/2014	<b>6.151</b>	<b>4.700</b>	<b>1.000</b>	<b>1.800</b>	
+	Trường Tiểu học Tân Liên	Tân Thành		14-15	3674/QĐ-UBND 30/10/13	700	700		450	
+	Trường THCS Tân Lập	Tân Lập			5208/QĐ-UBND 28/10/2014	2.000	2.000		750	
	<b>Huyện Cam Lộ</b>					<b>15.017</b>	<b>13.797</b>	<b>9.145</b>	<b>1.900</b>	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cần đối năm 2015	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành					
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				
+	Trường Mầm non Măng Non, xã Cam Thành	Cam Thành	8 phòng	12-14	2129/QĐ-UBND 26/11/11	4.752	4.000	2.995	400	
+	Trường THCS Chế Lan Viên	Cam An	Cải tạo, sửa chữa	12-13	2721/QĐ-UBND 31/10/12	2.343	2.000	1.950	300	
+	Trường Mầm non Hoa Phượng	Cam Tuyên		13-14	2781/QĐ-UBND 30/10/12	4.987	4.987	3.500	400	
+	Trường Mầm non Vành Khuyên	Cam An		13-15	1878/QĐ-UBND 6/9/13	2.610	2.610	700	600	
+	Trường Mầm non Sơn Ca	TT Cam Lộ			2260/QĐ-UBND 28/10/2014	325	200		200	
	<b>Huyện Hải Lăng</b>					<b>17.861</b>	<b>16.512</b>	<b>8.200</b>	<b>3.300</b>	
+	Trường Mầm non Hải Phú	Hải Phú	6 phòng học	14-16	3435/QĐ-UBND 10/12/13	4.500	4.500	1.500	1.500	
+	Nhà học bộ môn trường THCS Hải Phú	Hải Phú			2439/QĐ-UBND 31/10/2014	4.934	4.934		1.000	
+	Trường THCS Hải Ba	Hải Ba	6 phòng học	11-12	2033/QĐ-UBND 30/9/11	4.749	3.400	3.800	400	
+	Trường Mầm non Hải Khê	Hải Khê	682 m2	12-14	1638/QĐ-UBND 13/9/12	3.678	3.678	2.900	400	
	<b>Huyện Triệu Phong</b>					<b>10.837</b>	<b>6.579</b>	<b>6.358</b>	<b>1.823</b>	
+	Trường THCS Triệu Thuận	Triệu Thuận	6 phòng học	12-13	1442a/QĐ-UBND 22/10/12	4.990	2.500	1.900	1.000	
+	Trường THCS Triệu Đông	Triệu Đông	8 phòng học	11-12	923/QĐ-UBND 26/6/11	2.732	1.832	2.354	350	
+	Trường THCS Triệu Phước	Triệu Phước	9 phòng học	11-13	909/QĐ-UBND 14/6/11	3.115	2.247	2.104	473	
	<b>Huyện Gio Linh</b>					<b>7.536</b>	<b>3.700</b>	<b>3.820</b>	<b>1.910</b>	
+	Trường Mầm non Gio An	Gio An	3 phòng học		212/QĐ-UBND 25/01/11	1.336	1.000	820	510	
+	Trường Tiểu học Thị trấn Cửa Việt	Gio Linh		11-12	1964/QĐ-UBND 28/10/13	4.700	1.700	3.000	900	
+	Trường THCS Trung Hải	Gio Linh			234a/QĐ-SKH-VX 30/10/2014	1.500	1.000		500	
	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>					<b>8.100</b>	<b>6.500</b>	<b>4.095</b>	<b>2.100</b>	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cần đối năm 2015	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT Trong đó: NS tỉnh			
+	Trường Mầm non Vĩnh Long	Vĩnh Long			1785/QĐ-UBND 21/5/13	3.100	2.000	850	600	
+	Trường Tiểu học Vĩnh Giang	Vĩnh Giang			2140/QĐ-UBND 18/6/13	2.500	2.500	1.800	300	
+	Trường Tiểu học Kim Đồng	Hồ Xá			1783/QĐ-UBND ngày 21/5/2013	2.500	2.200	1.450	500	
+	Trường Mầm non Vĩnh Thành	Vĩnh Thành			2419/QĐ-UBND 15/7/13	2.500	2.000	1.445	300	
+	Trường Tiểu học khu 4 Thạch, thị trấn Cửa Tùng <b>Thành phố Đông Hà</b>					7.642 <b>16.000</b>		7.200 <b>0</b>	400 <b>3.500</b>	
+	Nhà đa chức năng trường Tiểu học Phan Bội Châu	Đông Hà		15-17	1851/QĐ-UBND 17/9/2014	3.846	3.000		1.000	+ Ngân sách thành phố
+	Trường Mầm Non Phường 4	Phường 4	5210 m2	15-17	2411/QĐ-UBND 30/10/2014	12.154	6.000		2.500	
	<b>Thị xã Quảng Trị</b>					<b>8.685</b>	<b>6.008</b>	<b>4.200</b>	<b>1.800</b>	
+	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	TX. Q. Trị	467 m2	12-13	1059/QĐ-UBND 28/12/12	3.232	1.000	2.000	600	
+	Trường THCS Mạc Đĩnh Chi	Hải Lệ			753/QĐ-UBND 21/10/13	1.308	1.308	400	200	
+	Trường Mầm non Hương Sen	TX. Q. Trị			214/QĐ-UBND ngày 09/4/2012	2.045	2.000	1.800	200	
+	Nhà hiệu bộ và nâng cấp khuôn viên Trường TH Kim Đồng	Hải Lệ			719/QĐ-UBND 30/10/2014	2.100	1.700		800	
<b>2</b>	<b>Y tế</b>					<b>27.363</b>	<b>19.925</b>	<b>18.000</b>	<b>3.690</b>	
	<b>Dự án hoàn thành</b>									
-	Cải tạo, mở rộng Phòng quản lý sức khỏe cán bộ	TP Đông Hà		13-14	67/QĐ-UBND 18/01/13 816/QĐ-UBND ngày 28/4/2014	6.395	6.395	3.900	1.900	
-	Trung tâm y tế dự phòng Gio Linh	Gio Linh	1062 m2		1073/QĐ-UBND 10/6/2011	12.130	8.130	10.800	490	
<b>b</b>	<b>Hỗ trợ Y tế xã theo Nghị quyết 2d và Chương trình xây dựng nông thôn mới</b>									
-	Trạm y tế xã Trung Sơn - Gio Linh	Gio Linh	317 m2	2.011	1967/QĐ-UBND 08/7/2011	2.639	1.800	1.400	400	Hỗ trợ theo NQ 2d
-	Trạm y tế xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ	Cam Thanh			1565/QĐ-UBND	2.999	1.800	1.200	450	Hỗ trợ theo NQ 2d

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cân đối năm 2015	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT				
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh					
-	Trạm y tế xã Triệu Đông, Triệu Phong	Triệu Đông			1477/QĐ-UBND 30/10/13	3.200	1.800	700	450	Hỗ trợ theo NQ 2đ	
3	Phúc lợi xã hội					33.261	11.442	17.145	7.477		
	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2014</i>										
-	Nhà làm việc công ty TNHH MTV xỏ số Kiến thiết Quảng Trị	Đông Hà	916m2		863/QĐ-UBND 17/5/2012	6.010	5.000	2.900	2.100	Trả nợ	
	<i>Dự án hoàn thành</i>										
-	Nâng cấp, sửa chữa rạp chiếu phim Đông Hà	Đông Hà			2155/QĐ-UBND 12/11/2013	1.825	1.825	800	900		
-	Sửa chữa hệ thống dàn mái khán đài A và sơn sửa khán đài A,B sân vận động Đông Hà	Đông Hà			1954/QĐ-UBND 12/11/2013	4.217	4.217	1.350	1.400		
-	Nhà thi đấu và luyện tập thể thao huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh			415/QĐ-UBND ngày 16/3/2009 1177/QĐ-UBND ngày 13/6/2014	17.057		14.995	700		
	<i>Dự án khởi công mới</i>										
-	Nhà văn hóa học tập cộng đồng xã Triệu Lăng	Triệu Phong			NQ 04/2012/NQ-HĐND 13/4/2012	3.907	2.900		1.000	+ 1.000 triệu đồng CT MTTQ Giám nghèo	
-	Thiết bị nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh	Đông Hà			333a/QĐ-SKH-VX 30/10/2014	500	500		377		
-	Xây dựng Cột băng điện tử tại ngã tư đường Hùng Vương- Lý Thường Kiệt, Thành phố Đông Hà	Đông Hà			2347/QĐ-UBND 29/10/2014	5.755	2.000		1.000	Văn bản số 1040/UBND-TH ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh	

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NSNN NĂM 2015

Nguồn vốn phân cấp đầu tư trong cân đối và hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã quản lý

(Kèm theo Nghị quyết số 20 /2014 /NQ-HĐND ngày 10 /12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Huyện, thành phố, thị xã	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh phân cấp năm 2015	Trong đó:		Chi trả vốn vay kiên cố hóa KM và GTNT	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2015	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh phân cấp năm 2015 còn lại (3)	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn phân bổ theo tiêu chí (1)	Vốn từ thu tiền sử dụng đất (2)				Ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa làng xã (4)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng trường mầm non đạt chuẩn (5)	
1	2	3=4+5	4	5	6	7=8+9+10	8=3-6	9	10	11
	Tổng số	136.660	60.160	76.500	1.500	139.560	135.160	2.700	1.700	
1	Thành phố Đông Hà	49.984	9.984	40.000		50.484	49.984	300	200	
2	Thị xã Quảng Trị	6.201	4.201	2.000	150	6.451	6.051	300	100	
3	Huyện Hải Lăng	11.343	6.343	5.000	375	11.468	10.968	300	200	
4	Huyện Triệu Phong	16.428	6.428	10.000	300	16.628	16.128	300	200	
5	Huyện Gio Linh	9.572	6.572	3.000	150	9.922	9.422	300	200	
6	Huyện Vĩnh Linh	15.307	7.307	8.000	375	15.432	14.932	300	200	
7	Huyện Cam Lộ	7.795	3.795	4.000		8.295	7.795	300	200	
8	Huyện Đakrông	8.576	6.576	2.000		9.076	8.576	300	200	
9	Huyện Hướng Hóa	11.455	8.955	2.500	150	11.805	11.305	300	200	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	Bố trí từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu hạ tầng đơn vị hành chính mới chia tách và Biển Đông - hải đảo								

Ghi chú:

- Vốn phân bổ theo tiêu chí thực hiện theo Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015.
- Bao gồm 10% chi phí đo, vẽ bản đồ địa chính...
- Các huyện, thành phố, thị xã bố trí tối thiểu 20% vốn Ngân sách tỉnh cân đối phân cấp để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo theo Nghị quyết của Quốc hội; lồng ghép các nguồn vốn để bảo đảm tỷ lệ hỗ trợ xây dựng hoàn thiện tiêu chí nông thôn mới 30%; Tập trung bố trí xử lý nợ đọng XDCB; các dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2015; các dự án chuyển tiếp khác để hoàn thành đảm bảo thời gian quy định; số vốn còn lại (nếu có) mới bố trí khởi công mới; Chủ động cân đối bố trí đối ứng các dự án ODA do địa phương làm chủ đầu tư được quy định tại Khoản 4.2, Mục 4, Phần I Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND
- Ngân sách của tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã xây dựng thiết chế văn hóa làng xã theo Nghị quyết 04 và Nghị quyết 05 của HĐND tỉnh (ngoài nguồn phân cấp)
- Ngân sách của tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã xây dựng trường mầm non đạt chuẩn theo Nghị quyết 13 của HĐND tỉnh (ngoài nguồn phân cấp)

